TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:56/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và ông Hoàng Xuân Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1988
Địa chỉ: tổ 7, ấp Hòa Bình, xã Túc Trưng, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Anh **Trần Văn S,** sinh năm 1982
HKTT: tổ 4, ấp Đức Thắng, xã Túc Trưng, huyện Định Quán, Đồng Nai.
Tạm trú: tổ Thái An, phường 12, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.
(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 20/2022, ngày 09-03-2022 tại UBND xã Túc Trưng, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn đến tháng 4/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung làm cho 02 bên thường xuyên cãi nhau, anh S thường hay đi nhậu về đập phá đồ đạc trong nhà, từ đó 02 người không còn chung sống với nhau. Chị nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về nuôi con: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh S không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn cũng như không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Đồng thời đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến; không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D. Về hôn nhân: Cho chị D được ly hôn với anh S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Trần Văn S có hộ khẩu thường trú tại ấp Đức Thắng, xã Túc Trưng, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Chị D yêu cầu ly hôn vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 17/10/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị D xin ly hôn với anh S. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh S là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 20/2022, ngày 09-03-2022 tại UBND xã Túc Trưng, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2023 thể hiện vợ chồng chị có mâu thuẫn là do chị D ham mê cờ bạc không lo cho gia đình, anh S thì đi nhậu về chửi mắng xúc phạm chị nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 4/2022 anh S đi làm xa còn chị D về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên hai người đã không còn chung sống với nhau. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng anh S không đến Tòa án, thể

hiện thái độ bỏ mặc mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ như trên về mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị D và anh S đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 về tình nghĩa vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị D được ly hôn với anh S.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh S vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, trường hợp khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Trần Văn S.

- Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét. Trường hợp khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003798 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị D và anh S biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Túc Trưng, huyện Định Quán, số 20, ngày 09/03/2022 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan